

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN NINH GIANG  
TỈNH HẢI DƯƠNG  
Số: 01/2025/QĐ-TA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Ninh Giang, ngày 14 tháng 01 năm 2025

## QUYẾT ĐỊNH

### SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ

V/v yêu cầu xác định cha cho con

#### TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NINH GIANG, TỈNH HẢI DƯƠNG

Với thành phần tiến hành phiên họp gồm có:

- *Thẩm phán- Chủ tọa phiên họp:* Ông **Bùi Quý Long**.
- *Thư ký phiên họp:* Ông **Nguyễn Văn Hùng**- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương tham gia phiên họp:* Ông **Nguyễn Thành Trung**- Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương tiến hành mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 213/2024/TLST- HNGĐ ngày 21/10/2024 về việc yêu cầu xác định cha cho con theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 31/2024/QĐST- HNGĐ ngày 27/12/2024, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:* Ông Lê Văn L, sinh năm 1951  
Nơi cư trú: Thôn T, xã A, huyện N, tỉnh Hải Dương.
  - *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*
    - + Chị Lương Thị T, sinh năm 1975
    - + Cháu Lê Văn T1, sinh ngày 07/12/2011
- Đều ở địa chỉ: Thôn T, xã A, huyện N, tỉnh Hải Dương.  
Người đại diện hợp pháp của cháu T1: Chị Lương Thị T, sinh năm 1975; Địa chỉ: Thôn T, xã A, huyện N, tỉnh Hải Dương.
- + Anh Ninh Mạnh B, sinh năm 1973
- Địa chỉ: Tổ dân phố L, thị trấn C, huyện C, thành phố Hải Phòng.

### NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ

Tại đơn yêu cầu, quá trình giải quyết việc dân sự, người yêu cầu là ông Lê Văn L trình bày: Ông có quan hệ với chị Lương Thị T từ năm 2005. Ông và chị T ăn, ở với nhau như vợ chồng đến ngày 07/11/2011 thì sinh được cháu Lê Văn T1. Do ông và chị T chưa có đăng ký kết hôn nên không xin được giấy chứng sinh cho

cháu T1. Ông xác định cháu T1 là con đẻ của ông, để đảm bảo cho bản thân cháu sau này, cũng không làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của anh Ninh Mạnh B quy định tại Điều 88 Luật Hôn nhân và gia đình nên ông đã làm thủ tục xét nghiệm AND tại Công ty TNHH C. Tại kết quả xét nghiệm AND số 6117H/2024 ngày 24/10/2024 của Công ty TNHH C kết luận: Lê Văn L có quan hệ huyết thống Cha- Con với Lê Văn T1 độ tin cậy 99,999999%.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 89 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định "*Người không được nhận là cha, mẹ của một người có thể yêu cầu Tòa án xác định người đó là con mình*" nên ông đã làm đơn yêu cầu Tòa án xác định ông là cha của cháu Lê Văn T1 (tên khai sinh dự kiến), sinh ngày 07/12/2011.

Tại biên bản lấy lời khai, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị Lương Thị T trình bày:

Trước đây, chị kết hôn với chồng cũ họ tên là anh Ninh Mạnh B, sinh năm 1973; Địa chỉ: Tổ dân phố L, thị trấn C, huyện C, TP Hải Phòng từ năm 1994. Quá trình chung sống xảy ra nhiều mâu thuẫn nên chị và anh B đã làm thủ tục ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng và Tòa án đã xét xử vụ án bằng Bản án số 01/2023/HNGĐ-ST ngày 28/02/2023.

Trước khi ly hôn với anh B, chị và anh Bình S được 02 con chung là các cháu Ninh Thị L1, sinh năm 1995 và Ninh Mạnh T2, sinh năm 2000, ngoài ra chị và anh B không có người con chung nào khác; Sau khi chị sinh cháu nhỏ được 01 thời gian thì chị và anh B đã sống ly thân nhau từ năm 2005, mỗi người ở một nơi, chị đến chung sống cùng với ông Lê Văn L, sinh năm: 1951, nơi cư trú: Thôn T, xã A, huyện N, tỉnh Hải Dương từ năm 2005 đến nay.

Quá trình chung sống với ông L, do hoàn cảnh khó khăn nên không có điều kiện để giải quyết ly hôn với anh B. Sau đó, chị và ông L chung sống với nhau như vợ chồng và sinh được 01 con chung đặt tên là cháu Lê Văn T1, sinh ngày 07/12/2011. Do kinh tế khó khăn nên chị phải sinh cháu T1 ở nhà, không ra Trạm xá hay Bệnh viện nên cháu T1 không được cấp Giấy chứng sinh và đến nay cháu T1 không có bất cứ một giấy tờ tùy thân gì, hiện cháu T1 cũng phải bỏ học ở nhà vì nhà trường và bạn bè thường xuyên có những lời lẽ không hay với cháu nên cháu không đi học nữa.

Đến năm 2023, chị mới quyết tâm làm thủ tục ly hôn anh B, sau khi được Tòa án xét xử bằng Bản án, Bản án có hiệu lực nên chị và ông L đã đến UBND xã A đăng ký kết hôn ngày 05/5/2023.

Nay để hoàn thiện được các giấy tờ tùy thân cho cháu T1, ông L và chị cùng thống nhất đề nghị Tòa án nhân dân huyện Ninh Giang xác định cha con giữa ông L và cháu T1. Chị cam đoan cháu T1 là con chung của chị và ông L, đề nghị Tòa án căn cứ quy định của pháp luật để giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai người làm chứng bà Bùi Thị N trình bày: Bà là em gái của ông Lê Văn L, sinh năm 1951, địa chỉ tại thôn T, xã A, huyện N. Nhà bà và

nhà ông L gần nhau, lại là anh em ruột nên tôi biết bà Lương Thị T quê quán ở huyện N đến chung sống như vợ chồng với ông L từ đầu những năm 2000.

Bà nhớ thời điểm khoảng năm 2011, ông L và bà T sinh được 01 con chung tuy nhiên do điều kiện hoàn cảnh kinh tế khó khăn, không có điều kiện đi bệnh viện nên bà T đã sinh con tại nhà, ông L đã gọi bà đến hỗ trợ bà T trong việc sinh cháu và đặt tên cháu là Lê Văn T1.

Ngoài ra, bà được biết, trước đó bà T đã có chồng ở Hải Phòng tuy nhiên chưa ly hôn, sống ly thân và về chung sống như vợ chồng với ông L. Mãi đến năm 2023, bà T mới ly hôn được với chồng cũ và tiến hành đăng ký kết hôn với ông L theo quy định.

Đối với cháu Lê Văn T1, bà xác định bà là người trực tiếp đỡ đẻ cho cháu, hỗ trợ chăm sóc 02 mẹ con bà T tại nhà ông L. Nay ông L làm thủ tục xác định cha con giữa ông ấy và cháu Lê Văn T1, đề nghị Tòa án căn cứ quy định của pháp luật để giải quyết, tạo điều kiện cho cháu Lê Văn T1 được đăng ký khai sinh để cho cháu có thể đi học cho bằng bạn, bằng bè.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương tham gia phiên họp phát biểu ý kiến: Tòa án nhân dân huyện Ninh Giang thụ lý giải quyết việc dân sự xác định cha cho con đúng thẩm quyền, đúng thời hạn tố tụng, trong quá trình giải quyết và tại phiên họp đã tuân theo đúng trình tự tố tụng. Đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Tòa án: Căn cứ Điều 88, 89, 101 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 39 Bộ luật Dân sự; Điều 149; Điều 365, 366, 368, 369, 370 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 37 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, giải quyết như sau: Chấp nhận đơn yêu cầu của ông Lê Văn L: Xác định cháu Lê Văn T1, sinh ngày 07/12/2011 tại gia đình ông Lê Văn L, do chị Lương Thị Thanh S1 ra là con đẻ của ông Lê Văn L, sinh năm 1951; Địa chỉ: Thôn T, xã A, huyện N, tỉnh Hải Dương. Về lệ phí: Ông Lê Văn L là người cao tuổi nên được miễn tiền lệ phí xác định cha cho con.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng: Ông Lê Văn L là người yêu cầu xác định cha cho con, có nơi ở hiện tại thôn T, xã A, huyện N, tỉnh Hải Dương. Tòa án nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương thụ lý, giải quyết việc hôn nhân và gia đình là đúng thẩm quyền, phù hợp với quy định tại khoản 10 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35 và điểm t khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 89 của Luật Hôn nhân và gia đình. Sau khi thụ lý, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ

Thông báo về việc thụ lý việc dân sự, Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự và Giấy triệu tập cho những người tham gia phiên họp. Tại phiên họp, những người tham gia phiên họp là ông L, chị T, cháu T1 đều đề nghị giải quyết vắng mặt, anh Ninh Mạnh B vắng mặt không có lý do nhưng anh B đã được Tòa án huyện N, tỉnh Hải Dương ủy thác cho Tòa án nhân dân huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng tiến hành niêm yết công khai giấy triệu tập và Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự theo quy định của pháp luật nên Tòa án tiến hành phiên họp vắng mặt những người tham gia tố tụng là phù hợp với khoản 2, khoản 3 Điều 367, khoản 2 Điều 369 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung yêu cầu: Ông Lê Văn L có đăng ký kết hôn với chị Lương Thị T tại UBND xã A, huyện N, tỉnh Hải Dương vào ngày 05/5/2023. Trước khi kết hôn với ông L, chị T có chồng là anh Ninh Mạnh B, do vợ chồng mâu thuẫn nên chị và anh B đã làm thủ tục ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng và Tòa án đã xét xử vụ án bằng Bản án số 01/2023/HNGĐ-ST ngày 28/02/2023. Trước khi ly hôn với anh B, chị T và anh Bình S được 02 con chung là các cháu Ninh Thị L1, sinh năm 1995 và Ninh Mạnh T2, sinh năm 2000, ngoài ra chị và anh B không có người con chung nào khác; Sau khi chị sinh cháu T2 được 01 thời gian thì chị T và anh B đã sống ly thân nhau từ năm 2005, mỗi người ở một nơi, chị T đến chung sống cùng với ông Lê Văn L, sinh năm: 1951, nơi cư trú: Thôn T, xã A, huyện N, tỉnh Hải Dương từ năm 2005 đến nay. chị T và ông L sống với nhau như vợ chồng và sinh được con chung đặt tên là Lê Văn T1, sinh ngày 07/12/2011. Do kinh tế khó khăn nên chị T phải sinh cháu T1 ở nhà, không ra Trạm xá hay Bệnh viện nên cháu T1 không được cấp Giấy chứng sinh và đến nay là phù hợp với lời trình bày của người làm chứng bà Bùi Thị N (BL: 33). Do chị T và anh B chưa ly hôn nên ông và chị T không kết hôn và không làm được giấy khai sinh cho cháu với họ tên là Lê Văn T1 (tên khai sinh dự kiến). Do vậy, ông L yêu cầu Tòa án giải quyết xác định ông là cha của cháu T1. Tại Bản kết luận giám định ADN số: 11T11/24/DNA ngày 11 tháng 11 năm 2024, Công ty TNHH Đ kết luận: Lê Văn L có quan hệ huyết thống bố - con với Lê Văn T1, độ tin cậy > 99.9999%. Chị Lương Thị T cũng thừa nhận ông Lê Văn L là cha của cháu Lê Văn T1: còn anh Ninh Mạnh B gây khó khăn khi Tòa án triệu tập cũng như yêu cầu cung cấp chứng cứ nên có căn cứ xác định cháu T1 không phải là con của anh, nếu là con của anh B thì anh sẽ không có thái độ gây khó khăn và không hợp tác với Tòa án.

Như vậy, có đủ căn cứ xác định ông Lê Văn L là bố đẻ của người có tên dự kiến Lê Văn T1, sinh ngày 07/12/2011 là phù hợp với quy định tại Điều 88, khoản 1 Điều 89 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Ông Lê Văn L yêu cầu xác định cha cho con chưa thành niên và có đơn đề nghị miễn lệ phí sơ thẩm nên được miễn nộp tiền lệ phí là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 16 và khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của

Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào Điều 88, khoản 1 Điều 89; khoản 2 Điều 101 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 10 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35 và điểm t khoản 2 Điều 39, các điều 367, 369, 370, 371, 372 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về xác định cha cho con: Chấp nhận yêu cầu của ông Lê Văn L. Xác định ông Lê Văn L, sinh năm 1951, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn T, xã A, huyện N, tỉnh Hải Dương (căn cước công dân số: 030051006002) là bố (cha) đẻ của người có tên dự kiến Lê Văn T1, sinh ngày 07/12/2011.

- Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Miễn nộp tiền lệ phí dân sự sơ thẩm cho ông Lê Văn L.

- Quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định giải quyết việc dân sự hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Ninh Giang;
- Người yêu cầu;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu Hồ sơ việc dân sự.

**THẨM PHÁN**

*(Đã ký)*

**Bùi Quý Long**

